

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2026/DS-ST

Ngày: 07/7/2026

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản
và hợp đồng thuê tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phúc;

2. Bà Lê Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trầm Thị Quyển Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 200/2026/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng thuê tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2026/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 199/2026/QĐST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn M;

Địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Chị Nguyễn Thị Tháp G, sinh năm: 1992, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Phan Tấn T, sinh năm 2002, (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố L, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 25/12/2025, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn M có người đại diện theo ủy quyền là chị Nguyễn Thị Tháp G trình bày:***

Công ty Trách nhiệm hữu hạn M (Gọi tắt là Công ty) hoạt động trong lĩnh vực mua bán và cho thuê xe. Ngày 05/02/2025, Công ty và ông Phan Tấn T có làm Văn bản thỏa thuận về việc mua bán, cho thuê lại và mua lại xe, trong đó có nội dung như sau: Công ty mua của anh Phan Tấn T 01 chiếc xe mô tô loại 2 bánh, nhãn hiệu Honda, màu sơn trắng đỏ, biển số 63B2-923.83 theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy đứng tên anh T với giá tiền 10.000.000 đồng, công ty đã thanh toán đủ số tiền này cho anh T.

Sau khi bán xe, anh T có nhu cầu muốn thuê lại chiếc xe nêu trên để đi lại phục vụ trong công việc và cuộc sống nên Công ty đã đồng ý cho ông T thuê xe trong thời hạn 03 tháng, từ ngày 05/02/2025 đến ngày 05/05/2025 với phí thuê xe là 800.000 đồng/tháng, được thanh toán 30 ngày một lần kể từ ngày bắt đầu thuê xe.

Tuy nhiên, sau ngày ký kết văn bản thỏa thuận trên, anh T không thanh toán bất kỳ khoản tiền thuê nào cho Công ty và cũng không trả lại chiếc xe này cho Công ty. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty nên Công ty khởi kiện yêu cầu anh Phan Tấn T phải trả cho Công ty chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, màu sơn trắng đỏ, biển số 63B2-923.83, số máy JC90E0366154, khung số RLHJC7655NY1695443. Đồng thời Công ty yêu cầu anh Phan Tấn T phải trả số tiền thuê xe tạm tính từ ngày 05/02/2025 đến ngày 05/11/2025 là 8.000.000 đồng (800.000 đồng x 10 tháng). Yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn M xin thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

- Công ty xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh Phan Tấn T trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, màu sơn trắng đỏ, biển số 63B2-923.83, số máy JC90E0366154, khung số RLHJC7655NY1695443.

- Nay Công ty chỉ yêu cầu chấm dứt văn bản thỏa thuận về việc mua bán, cho thuê lại và mua lại xe được ký kết ngày 05/02/2025 giữa Công ty TNHH M với anh Phan Tấn T. Đồng thời, Công ty yêu cầu anh Phan Tấn T trả cho công ty TNHH M số tiền mua xe là 10.000.000 đồng và tiền thuê xe tính từ ngày 05/02/2025 đến ngày xét xử là 17 tháng. Tuy nhiên, Công ty chỉ tính tròn 10 tháng với số tiền là: 800.000 đồng/tháng x 10 tháng = 8.000.000 đồng. Tổng cộng là 18.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Công ty T1 giao trả cho anh Phan Tấn T 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 63 000494, biển số đăng ký: 63B2-923.83 ngày 14/01/2023 do Công an xã M, tỉnh Tiền Giang cấp cho anh T, ngay sau khi anh T thực hiện xong việc trả số tiền trên cho Công ty TNHH M.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa

giải, Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhưng anh T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phan Tấn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, xin rút lại yêu cầu anh Phan Tấn T trả cho Công ty chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, màu sơn trắng đỏ, biển số 63B2-923.83. Nay Công ty khởi kiện yêu cầu chấm dứt văn bản thỏa thuận về việc mua bán, cho thuê lại và mua lại xe giữa Công ty TNHH M với anh Phan Tấn T. Đồng thời Công ty yêu cầu anh Phan Tấn T trả cho Công ty số tiền mua xe là 10.000.000 đồng và tiền thuê xe là 8.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 5, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M về việc yêu cầu anh T trả cho Công ty chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, màu sơn trắng đỏ, biển số 63B2-923.83.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn M yêu cầu bị đơn anh Phan Tấn T trả số tiền mua xe và tiền cho thuê xe. Bị đơn có địa chỉ tại khu phố L, phường M, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 472 của Bộ luật dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng thuê tài sản”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp.

[3] Về nội dung vụ án:

3.1. Xét “Thỏa thuận về việc mua bán, cho thuê lại và mua lại xe vào ngày 05/02/2025” thể hiện anh Phan Tấn T có ký kết bán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M 01 chiếc xe mô tô loại 2 bánh, nhãn hiệu Honda, màu sơn trắng đỏ, biển số 63B2-923.83 với giá tiền 10.000.000 đồng. Đồng thời anh T cũng là người thuê lại chiếc xe trên với giá 800.000 đồng/tháng. Các bên đã thực hiện đầy đủ việc giao xe và thanh toán tiền mua xe. Như vậy, giao dịch mua bán và cho thuê xe giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn M đã phát sinh hiệu lực. Nhưng sau khi hết thời hạn thuê xe vào ngày 05/05/2025 cho đến nay, anh T không trả lại xe

và cũng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thuê xe là vi phạm nghĩa vụ mà các bên đã thỏa thuận. Do đó, Công ty yêu cầu chấm dứt văn bản thỏa thuận, yêu cầu trả lại số tiền đã mua xe và cho thuê xe là phù hợp với quy định tại Điều 428 và Điều 481 của Bộ luật dân sự.

3.2. Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng không có ý kiến cũng như không đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối với yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa là đã từ bỏ quyền lợi của mình. Đây là tình tiết mà nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

3.3. Tại phiên tòa, phía Công ty tự nguyện hoàn trả cho anh T 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 63 000494, biển số đăng ký: 63B2-923.83, ngay sau khi anh T thực hiện xong việc trả số tiền trên cho Công ty là phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 5, khoản 2 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 428, Điều 430, Điều 357, Điều 468, Điều 472, Điều 481 của Bộ luật dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M về việc yêu cầu anh T trả cho Công ty chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, màu sơn trắng đỏ, biển số 63B2-923.83.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn M.

2.1. Hủy văn bản thỏa thuận về việc mua bán, cho thuê lại và mua lại xe được ký kết ngày 05/02/2025 giữa Công ty TNHH M với anh Phan Tấn T.

2.2. Buộc anh Phan Tấn T có nghĩa vụ trả cho công ty TNHH M số tiền mua xe là 10.000.000 đồng và tiền thuê xe là 8.000.000 đồng. Tổng cộng là 18.000.000 đồng.

Kể từ ngày Công ty Trách nhiệm hữu hạn M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Phan Tấn T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2.3. Ghi nhận Công ty Trách nhiệm hữu hạn M hoàn trả cho anh Phan Tấn T 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 63 000494, biển số đăng ký: 63B2-923.83 ngày 14/01/2023 do Công an xã M, tỉnh Tiền Giang cấp cho anh Phan Tấn T, ngay sau khi anh T thực hiện xong việc trả số tiền trên cho Công ty TNHH M.

3. Về án phí:

- Anh Phan Tấn T phải chịu 900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- H1 lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004792 ngày 03/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND KV 4 – Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV 4 – Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Nhanh

